TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/HSST
Ngày: 13/10/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Duy Hải.

Thẩm phán: ông Bùi Đ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Sinh, bà Đỗ Thị Xanh và bà Trần Thị Thu Hoài.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Duy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Triệu Văn H** – Sinh ngày 26/10/1979, tại huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: phố H, thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: thôn 7, xã H, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: nguyên cán bộ ngân hàng Agribank- Chi nhánh Đ Quảng Ninh; Đoàn thể: nguyên đảng viên đảng cộng sản Việt Nam đã bị Thành ủy Móng Cái ra quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên từ ngày 09/01/2020; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Quang T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị S; có vợ là: Nguyễn Bích H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bắt truy nã ngày 30/11/2021, hiện tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* bà Hoàng Hồng N – Luật sư Công ty Luật TNHH 1 TV Hoàng Gia thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: tầng 3, số 194 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người bị hại*:

+ Bà Bùi Thị C, sinh năm 1963; địa chỉ: khu 3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Bấc, xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: số 87, đường Nguyễn Du, khu Hòa Bình, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Đỗ Hữu P, sinh năm 1959; địa chỉ: khu 3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh – Đại diện theo ủy quyền: anh Đào Văn L- sinh năm 1992- Chuyên viên Pháp lý tố tụng thuộc phòng thu hồi nợ công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAIGON (theo Giấy ủy quyền số 221003-09-CEA ngày 25/9/2022), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Lê Văn C, sinh năm: 1983; địa chỉ: thôn 8, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Anh Hoàng Quốc K, sinh năm: 1986; địa chỉ: khu Đông Hưng, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Anh Trần Văn H, sinh năm: 1982; địa chỉ: tổ 2, khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993; địa chỉ: số 12 Lê Lợi, khu Hòa Bình, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1966, vắng mặt.

+ Anh Trần Văn N, sinh năm: 1978, vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1996, vắng mặt.

+ Anh Triệu Xuân T, sinh năm: 1982, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1967, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ và sử dụng cá nhân, Triệu Văn H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2019, H làm cán bộ Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Đông Quảng Ninh, trụ sở tại thành phố Móng Cái, có quen biết xã hội với bà Bùi Thị C, anh Hoàng Văn N và anh Nguyễn Minh Đ, H nói dối với họ, vay tiền để đáo nợ ngân hàng cho khách hàng vay, hưởng chênh lệch về lãi suất và vay của họ với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, H không dùng để đáo nợ cho khách hàng vay mà sử dụng vào việc trả nợ cho các khoản vay khác và chi tiêu cá nhân, bỏ việc và bỏ trốn khỏi địa phương, để chiếm đoạt số tiền 1.450.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Bùi Thị C: Tháng 11/2018, H hỏi vay tiền của bà Bùi Thị C, nói dối là để đáo nợ ngân hàng cho khách hàng, hưởng chênh lệch lãi suất, bà C tin tưởng đồng ý cho H vay nhiều lần (bà C không nhớ cụ thể chính xác bao nhiêu lần) với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, không tính lãi suất, hạn sau 2-3 ngày phải trả lại. Sau khi nhận được tiền của bà C, H không sử dụng để đáo nợ cho khách hàng, mà sử dụng cá nhân và trả nợ cho người khác. Sau đó, bị bà C nhiều lần đòi trả tiền, nên H nảy sinh ý định, lấy số tiền lừa đảo chiếm đoạt của người khác, chuyển trả cho bà C để bà C thôi không đòi trả nữa, H tìm cách

vay lại và chiếm đoạt sau. Do vậy, ngày 30/11/2018, H dùng số tiền 200.000.000 đồng vừa lừa, chiếm đoạt của anh Hoàng Văn N, chuyển trả qua tài khoản cho bà C. H theo dõi, thấy bà C rút xong 200.000.000 đồng, thì đến vay lại, hẹn 03 ngày sau sẽ trả. Đến hẹn, bị bà C đòi, thì H trả cho bà C 50.000.000 đồng và sau đó hỏi vay lại số tiền này, nói dối để đáo hạn cho khách hàng và gộp vào số tiền 150.000.000 đồng mà H còn nợ trước đó để trả hết 1 lần. Bà C tưởng thật cho vay 50.000.000 đồng. Số tiền H chiếm đoạt được của anh N chuyển cho bà C, sau đó lấy lại và chiếm đoạt là 200.000.000 đồng, H đã chi hết vào việc cá nhân. Ngày 18/01/2019, bà C gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra và yêu cầu H phải trả 200.000.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của anh Hoàng Văn N: Ngày 30/11/2018, H hỏi vay tiền của anh Hoàng Văn N, nói dối là để đáo nợ ngân hàng cho khách hàng, anh N tin tưởng đồng ý cho H vay 200.000.000 đồng, không tính lãi suất, hẹn sau 2-3 ngày phải trả lại. H không sử dụng để đáo nợ cho khách hàng, mà muốn chiếm đoạt số tiền này chuyển cho bà Bùi Thị C để trả số tiền mà H vay trước đó đang bị bà C đòi, H nói dối anh N ủy quyền cho H để H làm thủ tục chuyển tiền được thuận lợi, nhanh chóng hơn và H đưa 01 giấy ủy nhiệm chi không ghi thông tin gì cho anh N ký xác nhận chuyển tiền, ủy quyền cho H đến ngân hàng hoàn thiện thủ tục. Sau khi anh N ký xác nhận xong, H đến ngân hàng chuyển 200.000.000 đồng từ tài khoản 8090205173245 của anh N đến số tài khoản 8090205189426 của bà Bùi Thị C mở tại ngân hàng Agribank. Anh N nhiều lần đòi tiền, nhưng H không trả. Ngày 24/1/2019, anh N đến Cơ quan điều tra trình báo, yêu cầu H trả 200.000.000 đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Minh Đ: Tháng 01/2019, H nói dối anh Nguyễn Minh Đ vay tiền để đáo hạn nợ cho 02 khách hàng, hẹn trả sau 3-5 ngày và thêm khoản tiền lợi nhuận do chênh lệch lãi suất được chia lại. H bảo anh Đ đưa trước 250.000.000 đồng để đáo hạn cho khách hàng. Anh Đ tưởng thật đã bảo vợ là chị Nguyễn Thị Thanh đưa trực tiếp cho H 250.000.000 đồng và ngày 03/01/2019, chị Thanh lại chuyển 800.000.000 đồng vào 02 số tài khoản 8090205250902 và số tài khoản 8090205095793 thuộc ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Đông Quảng Ninh theo như yêu cầu của H. Tổng số tiền mà H lừa, chiếm đoạt của anh Đ là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), H không dùng để đáo nợ cho khách hàng, mà dùng trả nợ cho anh Hoàng Quốc Khánh 300.000.000 đồng, trả nợ cho anh Trần Văn Hưng 500.000.000 đồng, số tiền còn lại H chi hết vào việc cá nhân, rồi bỏ trốn. Ngày 14/01/2019, anh Đ đến cơ quan điều tra trình báo và yêu cầu H trả cho anh Đ số tiền là 1.050.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, H khai: do vay tiền của nhiều người và đã sử dụng hết vào việc cá nhân, không còn tiền để trả nợ, nên H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các anh Nguyễn Minh Đ, Hoàng Văn N và bà Bùi Thị C. H nói dối với anh Đ, anh N và bà C là vay tiền với thời gian ngắn (từ 3 đến 5 ngày), để đáo hạn nợ cho khách hàng, hưởng chênh lệch lãi suất, rồi trả lại tiền vay và một phần tiền lợi nhuận chênh lệch lãi suất được khách hàng chia lại. Sau khi chiếm đoạt được tiền của các bị hại, H không dùng vào việc đáo nợ ngân hàng, mà dùng để trả

nợ cho một số người mà H đã vay tiền và chi tiêu cá nhân khác. Đến tháng 01/2019, H bỏ việc và bỏ trốn vào miền Nam để chiếm đoạt tiền.

Bị hại anh Nguyễn Minh Đ, anh Hoàng Văn N và bà Bùi Thị C có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, những người liên quan và người làm chứng về nội dung vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Văn H, anh Hoàng Quốc K, chị Nguyễn Thị T có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại về nội dung vụ án.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại về nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 82/CT-VKSQN-P2 ngày 13/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Triệu Văn H về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Triệu Văn H từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 30/11/2021.

Về dân sự: buộc bị cáo H phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại: bà Bùi Thị C 115.000.000 đồng, anh Hoàng Văn N 115.000.000 đồng và anh Nguyễn Minh Đ 615.000.000 đồng.

Về vật chứng, tài liệu, đồ vật liên quan: trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, 01 xe mô tô Honda Vision BKS 14A-204.24; đối với 01 Giấy biên nhận vay tiền ký giữa ông P với bị cáo H và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 683946 mang tên Triệu Văn H đã trả lại cho ông Đỗ Hữu P nên không đề cập lại. Về hình phạt bổ sung: không đề nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa và không tranh luận bổ sung.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019, tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Triệu Văn H đã dùng thủ đoạn gian dối để hỏi vay tiền của bà Bùi Thị C, anh Hoàng Văn N, anh Nguyễn Minh Đ sau đó chiếm đoạt với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), trong đó: số tiền H chiếm đoạt của bà Bùi Thị C là 200.000.000 đồng, anh Hoàng Văn N là 200.000.000 đồng, anh Nguyễn Minh Đ là 1.050.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt, bị cáo đã sử dụng trả nợ và chi hết vào việc cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Triệu Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, trong vụ án này bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại, đưa ra thông tin gian dối làm cho bị hại tin đó là sự thật và giao tài sản cho bị cáo để chiếm đoạt tài sản của họ, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo H phạm tội 02 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại; được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; ngoài ra bị cáo còn có bố và mẹ đẻ đều là những người có công với nhà nước, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: khi lượng hình, căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, nhưng dù có xem xét giảm nhẹ hình phạt đến đâu thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Bùi Thị C 85.000.000đồng, anh Hoàng Văn N 85.000.000đồng, anh Nguyễn Minh Đ 435.000.000đồng, cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Bùi Thị C 115.000.000 đồng, anh Hoàng Văn N 115.000.000đồng, anh Nguyễn Minh Đ 615.000.000đồng.

[8] Về vật chứng, tài liệu đồ vật liên quan:

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 xe mô tô Honda Vision BKS 14A-204.24 thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên mang tên anh Lê Văn Cương, anh Cương mua và thế chấp chiếc xe tại Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAIGON để vay tiền mua xe, hiện nay anh Cương và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAIGON đã tất toán xong khoản vay, anh Cương đã bán lại cho bị cáo, nên xác định chiếc xe mô tô trên là của bị cáo H, chiếc xe này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

+ Đối với: 01 Giấy biên nhận vay tiền ký giữa ông Đỗ Hữu P với bị cáo và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 683946 mang tên Triệu Văn H do ông P giao nộp tại cơ quan điều tra. Xét thấy việc bị cáo vay nợ ông P có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 683946 (thuộc sở hữu của Triệu Văn H) để đảm bảo khoản vay, hai bên có viết giấy biên nhận là giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án, ông P đã được trả lại những giấy tờ trên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết lại.

+ Đối với 01 đĩa CD ghi hình nội dung buổi hỏi cung bị cáo ngày 15/02/2022 cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[9] Nội dung khác:

- Đối với anh Hoàng Quốc Khánh và anh Trần Văn Hưng là người nhận tiền trả nợ của bị cáo từ nguồn tiền của anh Nguyễn Minh Đ, nhưng thời điểm nhận tiền trả nợ, các anh không biết là tiền do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

+ Đối với việc bị cáo H vay tiền của ông Đỗ Hữu P, quá trình điều tra xác định đây là giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý hành vi này.

[10] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nội dung của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự; bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Triệu Văn H phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Triệu Văn H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 30/11/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng: khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Triệu Văn H phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại tổng số tiền 845.000.000 (tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng, cụ thể trả cho: bà Bùi Thị C, sinh năm 1963; địa chỉ: khu 3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh số tiền 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng; anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Bấc, xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh số tiền 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng và anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: số 87, đường Nguyễn Du, khu Hòa Bình, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh số tiền 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng, đồ vật, tài liệu liên quan: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho bị cáo Triệu Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi (kèm 01 sim) và 01 xe mô tô Honda Vision BKS 14A-204.24, số khung: 5817GY501444, số máy: JF66E0783375, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 117 ngày 28/6/2022 giữa Cục THADS tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh).

+ Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 đĩa CD ghi hình nội dung buổi hỏi cung bị cáo ngày 15/02/2022.

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Triệu Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 37.350.000đ (ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Duy Hải

Nơi nhận:
- *Bị cáo; bị hại; NLQ; Luật sư;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *CQ CSĐT + CQ THAHS Công an tỉnh Q.Ninh;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Q.Ninh;*
- *TAND cấp cao + VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa HS, THA.*